

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/DS-ST
Ngày 26 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Minh Đôn.

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Long Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2026/TLST-DS ngày 21/01/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2026/QĐXXST-DS ngày 20/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thạch T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1981. Vắng mặt

Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1980. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Thị G, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Nguyễn Thái N, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Người làm chứng: Ông Nguyễn Thành H1, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp I, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn có quen biết với bị đơn nên ngày 12/3/2025 bà T cho bà H, ông L, bà G vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa

thuận lãi suất là 1,66%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày. Hai bên lập giấy vay tiền và bà H, ông L, bà G ký tên, lăn tay vào giấy vay tiền. Hai bên thống nhất thỏa thuận hết thời hạn nếu bên vay không thanh toán tiền cho bà T thì phải chịu tiền phạt là 5% trên số tiền vay là 50.000.000 đồng. Bị đơn đưa cho bà T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 886734, số vào sổ cấp GCN CS 04855 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Phạm Thị G ngày 10/6/2021 để làm tin. Sau khi ký thì bà T đã chuyển khoản cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng. Dù hết thời hạn đã lâu nhưng bà G, bà H, ông L vẫn không thanh toán cho bà T. Nay, bà T yêu cầu bà G, bà H, ông L phải thanh toán cho bà T tổng số tiền là 1.206.946.600 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; tiền nợ lãi với lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 12/5/2025 đến ngày 26/5/2026 tương đương thời gian là 12 tháng 14 ngày với số tiền là 206.946.600 đồng. Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với số tiền phạt hợp đồng 5% trên tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị G trình bày: Vào ngày 12/3/2025, ông L, bà H, bà G vay số tiền 1.000.000.000 đồng của bà T, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay 30 ngày. Đồng thời các bên thỏa thuận điều khoản phạt vi phạm hợp đồng, trường hợp ông L, bà H, bà G chậm thanh toán thì phải chịu phạt 5% trên tổng số tiền nêu trong Điều 2 cho bà T, cho dù việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên B đang ở giai đoạn nào. Sau đó, hai bên lập Giấy vay tiền với nội dung đã thỏa thuận, hai bên ký tên, lăn tay. Chữ ký, dấu lăn tay ở mục bên B trong giấy vay tiền là của bà G bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thanh L. Sau khi ký xong giấy vay tiền thì bà H, ông L, bà G đã nhận đủ số tiền 1.000.000.000 đồng. Nay, bà T khởi kiện thì bà G đồng ý thanh toán số tiền vay 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng đề nghị bà T cho thời gian để bà H, ông L thanh toán. Đối với tiền phạt vi phạm hợp đồng là 50.000.000 đồng, tương ứng 5% giá trị khoản vay, theo khoản 3.a, Điều 5 của Giấy vay tiền thì bà G xin nguyên đơn xem xét vì hoàn cảnh kinh tế hiện tại rất khó khăn. Sau khi bà G, ông L, bà H trả số tiền 1.000.000.000 đồng xong thì bà T có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G, ông L, bà H.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh L vắng mặt, không trình bày ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Nguyễn Thái N: Ông và bà Trần Thị Thạch T là vợ chồng. Số tiền 1.000.000 đồng bà T cho bà G, ông L, bà H vay là tiền chung của ông và bà T. Ông đồng ý với việc bà T cho bà G, ông L, bà H vay là tiền và đồng ý việc bà T khởi kiện bà G, ông L, bà H. Ông không tranh chấp gì đến số tiền này.

- Người làm chứng ông Nguyễn Thanh H2: Năm 2025, ông L, bà H có hỏi ông việc có biết ai cho vay tiền không, thì ông cho số điện thoại bà T để hỏi vay tiền. Việc ông L, bà H và bà T thỏa thuận như thế nào thì ông không biết, ông không chứng kiến việc thỏa thuận giữa các bên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền ngày 12/3/2025 và sao kê tài khoản nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H. Bị đơn bà Phạm Thị G đồng ý thanh toán nợ gốc và lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà H, ông L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa, không cung cấp ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về lãi suất: Nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận lãi suất 1.66%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Về yêu cầu phạt hợp đồng, nguyên đơn đã rút nên đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn tại Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông L, bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 (hai) để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Người làm chứng ông H2 có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy vay tiền ngày 12/3/2025 và sao kê chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Kim H. Bị đơn bà Phạm Thị G đồng ý với Giấy vay tiền nội dung hai bên đã thỏa thuận, hai bên ký tên, lấn tay. Chữ ký, lấn tay ở mục bên B trong giấy vay tiền là của bà Phạm Thị G và các con tôi là Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thanh L. Bà G thừa nhận bên vay đã nhận đủ số tiền vay. Ông L, bà H không có ý kiến với chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì xác định nguyên đơn có

cho bị đơn vay, có chuyển khoản cho bị đơn. Như vậy, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là phù hợp theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét Giấy vay tiền ngày 12/5/2025, nội dung ông L, bà H, bà G vay số tiền 1.000.000.000 đồng của bà T, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay 30 ngày. Bị đơn bà G đồng ý với chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Bà G đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và mức lãi suất. Tuy nhiên, do điều kiện bà G khó khăn, đã lớn tuổi nên xin nguyên đơn cho bà H, ông Lâm thời G1 để thanh toán cho nguyên đơn. Xét thấy, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 1.000.000.000 đồng, đã chuyển khoản cho bị đơn bà H. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc 1.000.000.000 đồng cho nguyên đơn. Về lãi suất hai bên thỏa thuận mức lãi suất khi vay là 1,66%/tháng là mức lãi suất phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Các Điều 7, 8, 12 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian tính lãi suất kể từ ngày 12/5/2025 cho đến ngày 26/5/2026 tương đương 12 tháng 14 ngày với số tiền là 206.946.600 đồng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi suất là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị G là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Kim H. Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh L có quan hệ vợ chồng. Vì vậy, bà G, bà H, ông L có trách nhiệm liên đới trong việc thanh toán nợ cho nguyên đơn. Tổng số tiền bị đơn bà G, bà H, ông L phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà T là 1.206.946.600 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi là 206.946.600 đồng.

[5] Nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận điều khoản phạt vi phạm hợp đồng, trong trường hợp ông L, bà H, bà G chậm thanh toán thì phải chịu phạt 5% trên tổng số tiền vay nêu trong Điều 2 cho bà T, cho dù việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên B đang ở giai đoạn nào. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu phạt vi phạm đối với bị đơn. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[6] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 886734, số vào sổ cấp GCN CS 04855 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Phạm Thị G ngày 10/6/2021, được bị đơn đưa cho nguyên đơn giữ để làm tin, không được thỏa thuận tại hợp đồng vay giữa các bên, không đăng ký thế chấp. Do đó, nguyên đơn bà T phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn bà Phạm Thị G.

[7] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 48.208.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn

bộ án phí. Bị đơn bà Phạm Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 16.069.300 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh L phải liên đới nộp 32.138.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Khoản 3 Điều 26, các Điều 91, 92, 147, 184, 227, 228, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Các Điều 418, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thạch T đối với bị đơn bà Phạm Thị G, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh L về việc yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thạch T đối với bị đơn bà Phạm Thị G, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị G, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh L phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Thị Thạch T số tiền 1.206.946.600 đồng (một tỉ hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng); nợ lãi là 206.946.600 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng vay ngày 12/5/2025 được ký kết giữa bà Trần Thị Thạch T và bà Phạm Thị G, bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thanh L.

3. Bà Trần Thị Thạch T phải trả lại cho bà Phạm Thị G bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 886734, số vào sổ cấp GCN CS 04855

do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Phạm Thị G ngày 10/6/2021.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Phạm Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh L phải liên đới nộp số tiền 32.138.700 đồng (ba mươi hai triệu một trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Thạch T số tiền 23.742.000 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007016 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mùi